SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT QUỐC TUẤN

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

BỘ MÔN: LỊCH SỬ

Cả năm: 35 Tuần thực học: Học kì I (18 tuần); Học kì II (17 tuần)

NHÓM LỊCH SỬ

Tháng 8 năm 2024

TRƯỜNG: THPT QUỐC TUẤN
NHÓM LỊCH SỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*
Công văn số 13-2022 /BGDĐT-GDTrH&GDTX ngày 03 tháng 8 năm 2022)

MÔN HỌC LỊCH SỬ
Năm học: 2024 - 2025

Căn cứ Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT Điều lệ trường THCS và THPT của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 15/9/2020; Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trường Bộ GDĐTT về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sing trung học phổ thông;

Căn cứ công văn số 3935/BGDĐ-GDTrH ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 2474/SGDĐT-GDTrH ban hành ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Sở GD&ĐT Hải Phòng V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2024-20245;

Căn cứ công văn số 2475/SGDĐT-GDTrH ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về Lịch thực chương trình Giáo dục Trung học năm học 2024-2025; Căn cứ kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 của trường THPT Quốc Tuấn.

Căn cứ điều kiện, tình hình thực tiễn, nhóm LỊCH SỬ THPT Quốc Tuấn xây dựng Kế giáo dục của nhóm năm học 2024-2025 với các nội dung cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Số lớp: 29 (có 12 lớp 10, 9 lớp 11 và 8 lớp 12)

Số học sinh: 1213 (có 407 học sinh khối 10, 359 học sinh khối 11 và 447 học sinh khối 12**;**

Số học sinh học chuyên đề lựa chọn : 03 Chuyên đề K10; 03 chuyên đề K11 và 03 chuyên đề K12

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03 ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0; Đại học: 03; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [1]: Tốt: 3 ; Khá: 0 ;

3. Thiết bị dạy học: *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1.	**KHỐI 10** Đĩa VCD chứa video Phim tài liệu: Một số hiện vật tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng và văn minh Đại Việt	01		
2.	Lược đồ các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây	01		
3.	Đĩa VCD chứa video Phim tài liệu: Thành tựu tiêu biểu của một số nền văn minh phương Đông	01		
4.	Đĩa mềm chứa Phim tài liệu: Thành tựu tiêu biểu của một số nền văn minh phương Tây	01		
5.	Đĩa VCD chứa video Phim tài liệu: Thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, lần thứ 2, lần thứ 3, lần thứ 4	01		
6.	Lược đồ các quốc gia Đông Nam Á cổ và phong kiến	01		

[1] Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

7.	Đĩa VCD chứa video Phim tư liệu: Thành tựu của văn minh Đông Nam Á	01		
8.	Đĩa VCD chứa video Phim mô phỏng: Thành tựu của các nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)	01		
9.	Đĩa VCD chứa video Phim tư liệu: Đời sống vật chất và tinh thần của cộng động các dân tộc Việt Nam	01		
10.	Lược đồ di sản văn hóa ở Việt Nam	01		
11.	Đĩa VCD chứa Video/clip: Di sản văn hóa ở Việt Nam	01		
12	Lược đồ thế giới	02		
13.	Lược đồ Việt Nam	03		
14.	Lược đồ các quốc gia cổ đại phương Đông.	02		
15.	Lược đồ các nước Đông Nam Á	02		
16.	Lược đồ các cuộc phát kiến địa lí.	02		
17.	Lược đồ các quốc gia cổ đại phương Tây.	02		
18.	Lược đồ các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm ở Việt nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX	02		
19.	Tranh ảnh Lịch sử thế giới cổ đại, trung đại, cận đại	02		
20.	Tranh ảnh Lịch sử thế giới hiện đại	02		
21.	Ti vi	26		
22.	Máy chiếu	07		
23.	Bảng , giấy A0	05		
	KHỐI 11			

1	- Lược đồ châu Âu phong kiến	03		
2	- Lược đồ thuộc địa các nước đế quốc thế thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX	03		
3	-Bản đồ thế giới; Bản đồ Liên Xô; Ảnh Lê nin	03		
4	- Bản đồ thế giới - Bản đồ châu Âu thế kỉ XX	03		
5	- Bản đồ thế giới - Bản đồ khu vực Đông Nam Á	03		
6	- Tranh ảnh những nhân vật lịch sử như Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập…	03		
7	- Lược đồ các trận chiến: Trên sông Bạch Đằng, Chi Lăng – Xương Giang, Hà Hồi…	03		
8	- Tranh về thành nhà Hồ	05		
9	- Tranh ảnh về Quốc Tử Giám	05		
10	- Lược đồ hành chính nước ta thời Minh Mạng	03		
11	- Bản đồ Biển đông,nước ta - Trảnh ảnh các hòn đảo và quần đảo ở nước ta	03		
	KHỐI 12			
1	Video/clip gồm một số đoạn tư liệu giới thiệu sự ra đời và phát triển của ASEAN,	03		
2	Video/clip gồm một số đoạn phim minh họa về quá trình chuẩn bị và diễn biến của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945.	03		
3	Video/clip gồm một số đoạn phim minh họa về quá trình chuẩn bị và diễn biến của cuộc Tổng tiến công xuân 1975.	03		
4	Video/clip gồm một số đoạn phim minh họa thành tựu tiêu biểu trong cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thời kì 1954-1973.	03		
5	Video/clip: Thành tựu của Việt Nam trong thời kì đổi mới đất nước	03		
6	Phim tư liệu: Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc	03		
7	Phim tư liệu: Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam	03		

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập: Không

II.KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỤ THỂ NĂM HỌC 2024-2025

1. Phân phối chương trình

Môn: Khối: 10 : Chương trình: Cơ bản: 52 tiết Học kì 1: 18 tuần = 18 tiết (1 tiết/tuần)

Học kì 2: 17 tuần = 34 tiết (2 tiết/tuần)

Tiết PPCT	Bài học- Nội dung	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
CHỦ ĐỀ 1: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC		**3**	
1	***B.1.Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức Lịch sử*** - Hiện thực lịch sử - Nhận thức lịch sử	**2**	- Trình bày được khái niệm lịch sử. - Phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.
2	***Sử học***		

	- Khái niệm sử học - Đối tượng nghiên cứu của sử học - Chức năng, nhiệm vụ của sử học		- Giải thích được khái niệm sử học. - Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học. - Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học.
3	***B.2. Tri thức lịch sử và cuộc sống:*** ***Học tập và khám phá lịch sử suốt đời*** - Sự cần thiết của việc học tập lịch sử suốt đời - Thu thập thông tin, sử liệu, làm giàu tri thức lịch sử - Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống	**1**	- Giải thích được sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời. - Biết cách sưu tầm, thu thập, xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử. - Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản). - Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới.
CHỦ ĐỀ 2: VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC		**2**	
4	***B3. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên và phát triển du lịch*** - Mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá - Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên	**2**	- Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên. - Có ý thức vận động các bạn và mọi người ở xung quanh cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hoá và di sản thiên nhiên ở địa phương.
5	***Sử học với sự phát triển du lịch*** - Vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch - Vai trò của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, di sản văn hoá		- Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch. - Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá.
CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI		**5**	
6	***B4. Khái niệm văn minh.Một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại*** - Khái niệm văn minh - Phân biệt văn minh và văn hoá	**1**	- Giải thích được khái niệm văn minh. - Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá.
7	***Một số nền văn minh phương Đông*** *Văn minh Ai Cập* - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa	**2**	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông. - Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc.

8	***Văn minh Trung Hoa*** - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa ***Văn minh Ấn Độ*** - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa		Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo.
9	**Kiểm tra giữa học kỳ I**	**1**	- Tổ chức đánh giá được kết quả học tập của HS về kiến thức, năng lực HS qua các nội dung đã học. - Rèn luyện ý thức học tập và các phẩm chất trung thực, chăm chỉ cho HS
10	***Thực hành***	**1**	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. .
11	***B5. Một số nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại*** ***Văn minh Hy Lạp - La Mã*** - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa	**2**	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao.
12	***Văn minh thời Phục hưng*** - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa		- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kĩ thuật, thiên văn học.
CHỦ ĐỀ 4: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI		**6**	
13	***B6. Cách mạng công nghiệp thời cận đại*** ***Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất*** Những thành tựu cơ bản	**3**	- Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. - Nếu được thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.
14	***Cách mạng công nghiệp lần thứ hai***		- Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công

	Những thành tựu cơ bản		nghiệp lần thứ hai.
15	***Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai*** - Về kinh tế - Về xã hội, văn hoá		- Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hoá
16	**Kiểm tra cuối HK 1**	**1**	- Tổ chức đánh giá được kết quả học tập của HS về kiến thức, năng lực HS qua các nội dung trong HK 1. - Có căn cứ để nhận xét, xếp loại môn học cuối kì 1; - Rèn luyện ý thức học tập và các phẩm chất trung thực, chăm chỉ cho HS
17	**Thực hành**	**1**	Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.
18	**Thực hành**	**1**	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử.
19	***B7. Cách mạng công nghiệp thời hiện đại*** ***Cách mạng công nghiệp lần thứ ba*** - Những thành tựu cơ bản	**3**	- Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.
20	***Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng 4.0)*** - Những thành tựu cơ bản		- Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
21	***Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư*** - Về kinh tế - Về xã hội, văn hoá		- Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hoá. - Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử. - Vận dụng được những hiểu biết về tác động hai mặt của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên Internet, mạng xã hội.
22	**Thực hành**	**1**	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng

			lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.
CHỦ ĐỀ 5: VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI – CỔ TRUNG ĐẠI		**3**	
23 **24** **25**	***B8. Hành trình phát triển văn mình Đông Nam Á thời cổ - trung đại*** -Từ TK trước CN đến TK VII -Từ TK VII đến TK XV -Từ TK XVI đến TK XIX ***B9. Thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại*** - Tôn giáo và tín ngưỡng - Văn tự và văn học - Kiến trúc và điêu khắc	**1** **2**	- Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á. - Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á. - Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc. - Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, tham gia bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.
26	**Thực hành**	**1**	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.
CHỦ ĐỀ 6: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)		**12**	
27 **28** **29**	***B10. Văn minh Văn Lang - Âu Lạc*** - Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu	**3**	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Văn Lang - Âu Lạc. - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.
30	***B11- Văn minh Cham-pa, Văn minh Phù Nam*** *Văn minh Champa* - Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu	**2**	- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.
31	*Văn minh Phù Nam* - Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu		- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.

			- Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.
32 **33**	**Thực hành**	**2**	Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.
34	***Kiểm tra giữa HK 2***	**1**	- Tổ chức đánh giá được kết quả học tập của HS về kiến thức, năng lực HS qua các nội dung đã học. - Rèn luyện ý thức học tập và các phẩm chất trung thực, chăm chỉ cho HS.
35 **36** **37**	***B12. -Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt*** - Khái niệm văn minh Đại Việt - Cơ sở hình thành - Quá trình phát triển	**3**	- Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt. - Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ. - Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.
38 **39** **40**	***B13-Một số thành tựu của văn minh Đại Việt*** - Về kinh tế - Về chính trị - Về tư tưởng, tôn giáo - Về văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật	**4**	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về những thành tựu của văn minh Đại Việt. - Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật.
41	***Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam***		- Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. - Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.
42	**Thực hành**	**2**	-Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử.

			- Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.
CHỦ ĐỀ 7: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM		**6**	
43	***B14-Các dân tộc trên đất nước Việt Nam*** *- Thành phần dân tộc theo dân số* *- Thành phần dân tộc theo ngữ hệ*	**3**	- Nêu được thành phần dân tộc theo dân số. - Trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ.
44 **45**	***Hoạt động kinh tế, Đời sống vật chất*** - Nông nghiệp -Thủ công nghiệp và thương nghiệp - Ăn, mặc , ở, phương tiện đi lại. **Đời sống tinh thần** -Tín ngưỡng, tôn giáo - Phong tục, tập quán, lễ hội - Nghệ thuật		- Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. - Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
46	***B15. Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam*** ***Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam*** - Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc - Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước	**3**	- Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam. - Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. - Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay
47	Ôn tập cuối HK 2	**1**	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử.
48	Kiểm tra cuối HK 2	**1**	- Tổ chức đánh giá được kết quả học tập của HS về kiến thức, năng lực HS qua các nội dung trong HK 2. - Có căn cứ để nhận xét, xếp loại môn học cuối kì 2 và cả năm học; - Có đủ thông tin điều chỉnh quá trình dạy;

			- Rèn luyện ý thức học tập và các phẩm chất trung thực, chăm chỉ cho HS.
49	- ***B15. Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam*** Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay	**1**	
50	*Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay* - Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc - Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước	**1**	- Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. - Nêu được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng và an ninh. - Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.
51,52	Thực hành lịch sử - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học. - Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hoá),... - Học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử. - Tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi "Em yêu lịch sử", "Nhà sử học trẻ tuổi", các trò chơi lịch sử.	**1** **1**	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử.

Môn: Khối: 11 : Chương trình: Cơ bản: 52 tiết

Học kì 1: 18 tuần = 18 tiết (1 tiết/tuần)
Học kì 2: 17 tuần = 34 tiết (2 tiết/tuần)

Tiết PPCT	**Bài học- Nội dung**	**Số tiết**	**Yêu cầu cần đạt**
CHỦ ĐỀ 1: CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN		**7**	

1,2,3	***Bài.1 Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản*** - Tiết 1: Tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản. - Tiết 2: Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc CMTS. - Tiết 3: Kết quả, ý nghĩa của các cuộc CMTS.	**3**	- Trình bày được tiền đề của cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội và tư tưởng. - Giải thích được khái niệm cách mạng tư sản. - Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc CMTS - Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.
4,5,6	***Bài 2: Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.*** - Tiết 1: mục 1.Sự xác lập của CNTB ở Châu Âu và Bắc Mĩ 2a.Chủ nghĩa đế quốc và quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa - Tiết 2: Mục 2b. Sự phát triển của CNTB Mục 2c. Chủ nghĩa tư bản từ tự do sang cạnh tranh độc quyền - Tiết 3: mục 3.Chủ nghĩa tu bản hiện đại	**3**	- Trình bày được sự xác lập của CNTB ở châu Âu và Bắc Mĩ. - Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược và phát triển của CNTB. - Trình bày được sự phát triển của CNTB từ tự do sang cạnh tranh độc quyền. - Nêu được khái niệm CNTB hiện đại, tiềm năng và thách thức của CNTB hiện đại. - Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và hạn chế của CNTB hiện đại. Vận dụng những hiểu biết về lịch sử CNTB để giải thích những vấn đề thời sự của chủ nghĩa tư bản hiện nay.
7	***Thực hành*** Thuyết trình về các cuộc cách mạng tư sản	**1**	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử.
CHỦ ĐỀ 2: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY		**5**	
8	***Bài 3: Sự hình thành Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.***	**1**	- Sự ra đời Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. - Phân tích Ý nghĩa sự ra đời Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
9	***Kiểm tra giữa kì I*** -Vận dụng kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 3 để làm bài kiểm tra với 4	**1**	-Tổ chức đánh giá được kết quả học tập của HS về kiến thức, năng lực HS qua các nội dung đã học.

	mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao.		- Rèn luyện ý thức học tập và các phẩm chất trung thực, chăm chỉ cho HS
10,11	**Bài 4:** ***Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay*** - Tiết 1: mục 1.Sự phát triển của CNXH từ sau CT thế giới thứ hai đến năm 1991 - Tiết 2: mục 2.Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay	**2**	- Nêu được sự phát triển của CNXH ở Đông Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai, nêu được sự mở rộng của CNXH ở châu Á và Mĩ latinh. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ mô hình CNXH ở LX và Đông Âu - Nêu được nét chính về CNXH từ năm 1991 đến nay. - Nêu được những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc. - Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của CNXH, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng CNXH ở VN.
12	***Thực hành*** - Giới thiệu về các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay.	**1**	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử.
CHỦ ĐỀ 3: QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á		**7**	
13,14	***Bài 5.*** **Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.** *Tiết 1: Quá trình xâm lược và cai trị của thực dân Phương Tây ở Đông Nam Á* *Tiết 2: Công cuộc cải cách ở Xiêm*	**2**	- Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và cai trị ở Đông Nam Á lục địa và hải đảo. - Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm. - Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
15	Ôn tập từ bài 1 đến bài 5	**1**	

16	**Kiểm tra cuối học kỳ I** -Vận dụng kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 6 để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao.	**1**	- Tổ chức đánh giá được kết quả học tập của HS về kiến thức, năng lực HS qua các nội dung đã học. - Rèn luyện ý thức học tập và các phẩm chất trung thực, chăm chỉ cho HS
17 **18**	**B6- Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.** *Tiết 1: 1.Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á* *2. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á* *Tiết 2: 3. Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập***Ôn tập**	**2**	- Tóm tắt được những nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân ở một số nước Đông Nam Á lục địa và hải đảo. - Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập ở ĐNA. - Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với thuộc địa, liên hệ Việt Nam. - Tóm tắt những nét chính và quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á sau khi giành độc lập. - Có ý thức trân trọng về thành quả quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và phát triển các dân tộc ở ĐNA hiện nay.
19	***Thực hành*** -Thuyết trình về quá trình thành lập tổ chức ASEAN và vai trò của Việt Nam trong tổ chức này.	**1**	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. .
CHỦ ĐỀ 4: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM		**10**	
20,21,22, 23,24	***Bài 7: Khái quát về chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.*** Tiết 1; 1. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam Tiết 2& 3 : Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu Tiết 4& 5: Một số cuộc kháng chiến không thành công Nguyên nhân không thành công	**5**	- Nắm được vị trí địa chiến lược của VN. Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử VN. - Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu và các cuộc kháng chiến không thành công của dân tộc VN. - Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi và không thành công của các cuộc kháng chiến chống xâm lược.

			- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. - Vân dụng kiến thức đã học, rút ra được những bài học lịch sử cơ bản tử lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay. - Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam , tham gia công tác đền ơ đáp nghĩa ở địa phương , sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng bảo vệ tổ quốc.
25, 26,27	**Bài 8**: **Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử VN (từ TK III TCN đến cuối TK XIX).** Tiết 1: Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc Tiết 2: Khởi nghĩa Lam Sơn Tiết 3: Phong trào Tây Sơn Một số bài học lịch sử	**3**	-Trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời Bắc thuộc và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa đó. - Nêu được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính và ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn, phong trào Tây Sơn. - Biết được các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử về phong trào Tây Sơn. - Nêu được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay - Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc VN trong lịch sử . sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
28,29	**Thực hành** -Triển lãm tranh ảnh, mô hình về các cuộc kháng chiến.	**2**	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.
CHỦ ĐỀ 5: MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM TRƯỚC NĂM 1858		**11**	
30,31,32	***Bài 9: Cải cách của Hồ Quí Ly và triều Hồ (cuối TK XIV đầu TK XV).***	**3**	- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cải cách của Hồ Quí Ly và nhà Hồ.

33	***Kiểm tra giữa kì 2*** -Vận dụng kiến thức đã học từ bài 7 đến bài 9 để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao.	**1**	- Tổ chức đánh giá được kết quả học tập của HS về kiến thức, năng lực HS qua các nội dung đã học. - Rèn luyện ý thức học tập và các phẩm chất trung thực, chăm chỉ cho HS.
34,35,36	***Bài 10: Cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)*** Tiết 1&2**:**1. Bối cảnh lịch sử 2. Nội dung cải cách Tiết 3: Kết quả ý nghĩa	**3**	- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cải cách của Lê Thánh Tông.
37, 38	***Bài 11:*** **Cải cách của Minh Mạng (nửa đầu TK XIX)** Tiết 1&2**:**1. Bối cảnh lịch sử 2. Nội dung cải cách a. Bộ máy chính quyền Trung ương Tiết 3: b. Bộ máy chính quyền địa phương 3.Kết quả ý nghĩa	**2**	-Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cải cách của vua Minh Mạng. - Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc.
39,40	**Thực hành** -Làm video, sơ đồ tư duy thuyết trình về các nhân vật: Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, Minh Mạng.	**2**	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập
CHỦ ĐỀ 6: LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG		**12**	
41,42,43	**Bài 12: Vị trí và tầm quan trọng của biển Đông.** Tiết 1&2: 1. Vị trí của Biển Đông 2.Tầm quan trọng chiến lược của biển Đông Tiết 3: 3. Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.	**3**	- Xác định được vị trí của biển Đông trên bản đồ. - Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của biển Đông về giao lưu biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển. - Xác định được vị trí các đảo và quần đảo ở biển đông trên bản đồ. - Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở biển đông.

44,45,46,47	**Bài 13: Việt Nam và Biển đông.** Tiết 1: Tầm quan trọng của biển đông đối với Việt Nam Tiết 2&3: Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa Tiết 4: Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở biển đông bằng biện pháp hòa bình	**4**	- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của biển Đông đối với VN về quốc phòng, an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. - Nêu được VN là nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử. - Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của VN ở biển Đông. - Nêu được chủ trương của VN giải quyết các tranh chấp ở biển Đông bằng biện pháp hòa bình. - Trân trọng các thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của VN ở biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo về chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước VN.
48	**Ôn tập** Ôn tập từ bài 10 đến bài 13	**3**	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.
49	**Kiểm tra cuối kì II** Vận dụng kiến thức đã học từ bài 7 đến bài 13 để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao.	**1**	- Tổ chức đánh giá được kết quả học tập của HS về kiến thức, năng lực HS qua các nội dung trong HK 2. - Có căn cứ để nhận xét, xếp loại môn học cuối kì 2 và cả năm học; - Có đủ thông tin điều chỉnh quá trình dạy; - Rèn luyện ý thức học tập và các phẩm chất trung thực, chăm chỉ cho HS.
50,51,52	**Thực hành : Chủ quyền biển đảo**	**1**	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử.

Môn: Lịch sử **Khối: 12 : Chương trình: Cơ bản: 52 tiết** Học kì 1: 18 tuần = 18 tiết (1 tiết/tuần)
Học kì 2: 17 tuần = 34 tiết (2 tiết/tuần)

PPCT	BÀI HỌC- NỘI DUNG	SỐ TIẾT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Chủ đề 1: THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH			
1 2	**Bài 1:** Liên hợp quốc	2	**1. Kiến thức** - Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc. - Trình bày được mục tiêu, nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc. - Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế. - Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân. - Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội. **2. Năng lực** - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu về Liên hợp quốc. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua việc trình bày được bối cảnh lịch sử và quá trình thành lập của Liên hợp quốc; mục tiêu, nguyên tắc hoạt động cơ bản của

			Liên hợp quốc; vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế; thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân cũng như đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội. + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải thích về vai trò của Liên hợp quốc. **3. Phẩm chất** - Có ý thức trân trọng vai trò của Liên hợp quốc đối với hoà bình, an ninh, phát triển của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
3 4	**Bài 2:** Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh	2	**1. Kiến thức** - Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. - Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. - Phân tích được tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới. **2. Năng lực** - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử, biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu về quá trình hình thành và tồn tại Trật tự thế giới I-an-ta trong thời kì Chiến tranh lạnh. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: trình bày được quá trình hình thành và tồn tại Trật tự thế giới I-an-ta trong thời kì Chiến tranh lạnh; nêu được nguyên nhân và phân tích được tác động sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua kiến thức đã học để giải thích các vấn đề về Trật tự thế giới I-an-ta. **3. Phẩm chất:** Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá, giải thích những vấn đề về lịch sử thế giới, kết nối quá khứ với hiện tại.

5 6	**Bài 3:** Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh	2	**1. Kiến thức** - Nêu được khái niệm đa cực, xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh. - Nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. **2. Năng lực** - Năng lực chung: Bài học cũng góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập cá nhân, năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động của các nhóm HS. - Năng lực đặc thù môn lịch sử: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử, biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử về trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh, trình bày được khái niệm đa cực và xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua kiến thức đã học: vận dụng những hiểu biết về thế giới để giải thích các vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế hiện nay. **3. Phẩm chất** Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá những vấn đề về quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.
7,8	**Thực hành**	2	Củng cố kiến thức đã học của chủ đề, liên hệ vận dụng vào cuộc sống.
9	**Kiểm tra giữa kì 1**	1	Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã tiếp thu từ bài 1 đến bài 3 để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao.
Chủ đề 2: ASEAN : NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ			
10 11	**Bài 4:** Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	3	**1. Kiến thức** - Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN, quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10. - Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN từ năm 1967 đến nay. **2. Năng lực** - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

12			+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu về ASEAN. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN; quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10; nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay). **3. Phẩm chất** - Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá, giải thích những vấn đề về lịch sử khu vực, kết nối quá khứ với hiện tại. - Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, hoà nhập chứ không hoà tan. - Ý thức đoàn kết, gắn bó, tôn trọng nền văn hoá, xã hội và các giá trị của các quốc gia trong khu vực cũng như tinh thần hữu nghị, hợp tác của ASEAN.
13,14	**Bài 5:** Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực	2	**1. Kiến thức** - Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN. - Trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN. - Nêu được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN. **2. Năng lực** - Năng lực chung: Bài học cũng góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập cá nhân, năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động của các nhóm HS. - Năng lực đặc thù môn lịch sử: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về Cộng đồng ASEAN. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nêu được ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN; trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN. + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua kiến thức đã học để rút ra được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN. **3. Phẩm chất** Bồi dưỡng các phẩm chất như: - Có ý thức sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN. - Khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá, giải thích những vấn đề về lịch sử khu vực, kết nối quá khứ với hiện tại.

			- Tự hào về vai trò và đóng góp của Việt Nam trong quá trình hoạt động của ASEAN và có ý thức sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN.
15	**Thực hành**	1	Củng cố kiến thức đã học của chủ đề, liên hệ vận dụng vào cuộc sống.
16	**Kiểm tra cuối kì 1**	1	Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã tiếp thu để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao.
Chủ đề 3: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)			
17 18	**Bài 6:** Cách mạng tháng Tám năm 1945	2	**1. Kiến thức** - Trình bày được nét chính về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945. **2. Năng lực** - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử về Cách mạng tháng Tám năm 1945. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được bối cảnh, diễn biến chính; nêu được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi và phân tích được ý nghĩa, bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945. + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để rút ra ý nghĩa và bài học lịch sử từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; giải quyết các nhiệm vụ học tập. **3. Phẩm chất** Góp phần bồi dưỡng các phẩm chất chủ yếu: - Yêu nước thông qua việc có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam.

			- Chăm chỉ thông qua việc thực hiện các công việc cá nhân và nhóm trong quá trình học tập.
19 20	**Bài 7:** Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)	2	**1. Kiến thức** - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. **2. Năng lực** - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, tìm hiểu và sử dụng tư liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954); nêu được nguyên nhân thắng lợi và phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp. **3. Phẩm chất** - Yêu nước: ý thức trân trọng, tự hào về cuộc kháng chiến chống Pháp. - Trách nhiệm: tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
21 22 23	**Bài 8:** Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)	3	**1. Kiến thức** - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. **2. Năng lực** - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

			- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. **3. Phẩm chất:** Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của của ông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.
24 25	**Bài 9:** Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc từ năm 1945 đến nay	2	**1. Kiến thức** - Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 – 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông từ sau tháng 4 – 1975 đến nay. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay. - Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. - Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. **2. Năng lực** - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay; nêu được ý nghĩa lịch sử và những bài học cơ bản của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

			+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. **3. Phẩm chất:** **-** Yêu nước: Tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông ta trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc; trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử. - Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm, sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.
26&27	**Thực hành**	2	Củng cố kiến thức đã học của chủ đề, liên hệ vận dụng vào cuộc sống.
Chủ đề 4: CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY			
28&29	**Bài 10:** Khái quát về công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay	2	**1. Kiến thức** Trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay. **2. Năng lực** - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,…), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay. **3. Phẩm chất** - Yêu nước: trân trọng những thành tựu của đất nước trong công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay. - Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm trong đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

30 31 32 33	**Bài 11:** Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay	4	**1. Kiến thức** - Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế. - Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. **2. Năng lực** - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc nêu được một số bài học kinh nghiệm về công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. **3. Phẩm chất** - Yêu nước: trân trọng những thành tựu của đất nước trong công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay. - Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm trong đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.
34&35	**Thực hành**	2	Củng cố kiến thức đã học của chủ đề, liên hệ vận dụng vào cuộc sống.
36	**Kiểm tra giữa kì 2**	1	Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã tiếp thu trong học kỳ I để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao.
Chủ đề 5: LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN- HIỆN ĐẠI			
	Bài 12: Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm	3	**1. Kiến thức** Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).

37 38 39	1945		**2. Năng lực** - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945). + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945). **3. Phẩm chất:** - Trung thực học tập, cầu thị, cầu tiến bộ, có mong muốn học tập, khám phá lịch sử. - Yêu nước và lòng tự hào về các bậc tiền bối đã có những đóng góp cho phong trào giải phóng dân tộc.
40 41	**Bài 13:** Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1945 đến nay	2	**1. Kiến thức** - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954). - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975). - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985. - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay. **2. Năng lực** - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

			- Năng lực đặc thù: + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975), từ năm 1975 đến nay. + Năng lực vận dụng kĩ năng, kiến thức đã học để lí giải một số vấn đề thuộc về hoặc liên quan đến các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975), từ năm 1975 đến nay. **3. Phẩm chất:** - Trung thực học tập, cầu thị, cầu tiến bộ, có mong muốn học tập, khám phá lịch sử. - Yêu nước: Lòng yêu nước và lòng tự hào về các bậc tiền bối đã có những đóng góp cho hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975), từ năm 1975 đến nay..
42	**Thực hành**	1	Củng cố kiến thức đã học của chủ đề, liên hệ vận dụng vào cuộc sống.
Chủ đề 6: HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM			
43 44	**Bài 14:** Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh	2	**1. Kiến thức** - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. - Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh. - Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. **2. Năng lực** - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh; nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh; nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. **3. Phẩm chất:**

			Bồi dưỡng lòng biết ơn, ý thức trân trọng những công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với lịch sử dân tộc.
45 46	**Bài 15:** Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc	2	**1. Kiến thức** - Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ. - Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh và ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước. - Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. - Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh và vai trò của Hồ Chí Minh. - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (1954 –1969). **2. Năng lực** - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ; nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh; nêu được ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước; trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh và vai trò của Hồ Chí Minh. **3. Phẩm chất:** Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

47 48	**Bài 16:** Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam	2	**1. Kiến thức** - Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh. - Nêu được nguyên nhân Hồ Chí Minh "sống mãi" trong lòng dân tộc Việt Nam. **2. Năng lực** **-** Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu nguyên nhân nhân dân thế giới và Việt Nam đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh; nêu được nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh "sống mãi" trong lòng dân tộc Việt Nam. **3. Phẩm chất**: - Bồi dưỡng ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.
49	**Ôn tập**		Hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã tiếp thu trong HK II để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao.
50	**Kiểm tra cuối kì 2**	1	Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã tiếp thu đã tiếp thu trong HK II để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao.
51,52	**Thực hành**	2	Củng cố kiến thức đã học của chủ đề, liên hệ vận dụng vào cuộc sống

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

Khối 10: 03 chuyên đề

STT (1)	Chuyên đề (3)	Số tiết (4)	Tiết PPCT (5)	Yêu cầu cần đạt (6)
CHUYÊN ĐỀ 1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC (10 TIẾT)				
1	**I. Thông sử và Lịch sử theo lĩnh vực.**	4		
	Khái quát về một số cách trình bày lịch sử truyền thống - Khái niệm - Nội dung chính ***Thông sử*** **Lịch sử theo lĩnh vực** - Khái quát về lịch sử theo lĩnh vực - Ý nghĩa của **Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới.** - Lịch sử dân tộc - Lịch sử thế giới.		1 2 3 4	- Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được khái niệm thông sử. - Nêu được nội dung chính của thông sử. - Ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực. - Nêu được khái niệm và nội dung chính của Lịch sử dân tộc. Nêu được khái niệm và nội dung chính của Lịch sử thế giới
2	**II. Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam**	4		
	Lịch sử văn hoá Việt Nam		5	- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam. - Tóm tắt được nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam.
	Lịch sử tư tưởng Việt Nam		6	- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam. - Tóm tắt được nét chính của lịch sử tư tưởng Việt Nam.
	Lịch sử xã hội Việt Nam		7	- Tóm tắt được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam. - Giải thích được đối tượng của lịch sử xã hội.

	Lịch sử kinh tế Việt Nam		8	- Giải thích được đối tượng của lịch sử kinh tế. - Tóm tắt được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam .
3	**Thực hành**	2	9,10	
CHUYÊN ĐỀ 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM (15 TIẾT)				
4	**I.Di sản văn hoá**	3	11, 12,13	- Giải thích được khái niệm di sản văn hoá. - Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau. - Chỉ ra được một số cách phân loại, xếp hạng di sản văn hoá. - Phân tích được mục đích và ý nghĩa của việc phân loại, xếp hạng di sản văn hoá.
5	**II.Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá**	3	14, 15,16	- Giải thích được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá. - Phân tích được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: bảo tồn phải đặt trong bối cảnh phát triển bền vững để bảo tồn không trở thành gánh nặng và rào cản của phát triển. - Phân tích được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. - Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản,... - Giải thích được vai trò của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và của mỗi cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. - Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường, cộng đồng, công dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản thông qua ví dụ cụ thể. - Có ý thức trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp và vận động người khác cùng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá ở địa phương và đất nước.

6	**III. Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở Việt Nam**	7		
	Di sản văn hoá phi vật thể		17, 18	- Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu.
	Di sản văn hoá vật thể		19,20	- Xác định được vị trí phân bố các di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu.
	Di sản thiên nhiên tiêu biểu. Di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam		21,22.23	- Xác định vị trí phân bố các di sản thiên nhiên tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số những di sản thiên nhiên tiêu biểu. - Xác định được vị trí phân bố các di sản phức hợp tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số các di sản phức hợp tiêu biểu.
7	**Thực hành**	2	24,25	
CHUYÊN ĐỀ 3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ (10 TIẾT)				
8	**I. Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)**	2		
	Một số mô hình nhà nước quân chủ. Một số bộ luật tiêu biểu		26, 27	- Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. - Nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn.
9	**II. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 – 1976)**	2		
	Sự ra đời của Nhà nước VNDCCH.		28,29	- Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ

	Đặc điểm và tính chất của nhà Nước VNDCCH. Vai trò của Nhà nước VNDCCH			Cộng hoà. - Phân tích được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 - 1976.
10	**III. Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 đến nay**	2		
	Sự ra đời của Nhà nước CHXHCNVN. Vai trò của Nhà nước CHXHCNVN trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.		30 31	- Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.
11	**IV. Một số bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay**	2		
	Sự ra dời của các bản Hiến pháp từ 1946 – nay. Một số điểm chính của các bản Hiến Pháp Việt Nam. Một số bản Hiến Pháp tiêu biểu		32 33	- Nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992 và 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc. - Phân tích được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lí để xây dựng hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy Nhà nước,... - Nêu được một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946: ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945, quyền bình đẳng và nghĩa vụ công dân, cơ cấu hệ thống chính trị,... - Phân tích được ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946- Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.
12	Thực hành	2	34,35	

4. Chủ đề môn học

LỚP 11: 03 Chuyên đề

STT (1)	Chuyên đề (3)	Số tiết (4)	Tiết PPCT (5)	Yêu cầu cần đạt (6)
1	**CHUYÊN ĐỀ 1: LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM**	**15**	**1-15**	**–** Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lý, thời Trần và thời Lê sơ về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... – Liệt kê được những thành tựu nghệ thuật chính thời Mạc và nêu được những điểm chính của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc. – Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lê trung hưng vẽ kiến trúc, điêu khắc, mĩ thuật thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu Phân tích được những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng. – Mô tả được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điều khắc, mĩ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu Nếu được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.
2	**CHUYÊN ĐỀ 2: CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH TRONG THẾ KỈ XX**	**10**	**16-25**	- Giải thích được khái niệm di sản văn hoá. – Giải thích được nguyên nhân bùng nổ, hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới (nửa đầu thế kỉ XX). – Phân tích được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới giữa hai cuộc chiến tranh thế giới. – Nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Phân tích được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô. – Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm, hậu quả của Chiến tranh lạnh. Phân tích được nguyên nhân kết thúc và tác động của Chiến tranh lạnh. Giải thích được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột quân sự vẫn tiếp diễn.

				– Sưu tầm tài liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh. Nếu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. – Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. - Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.
3	**CHUYÊN ĐỀ 3: DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**	**10**	**26- 35**	– Giải thích được khái niệm danh nhân, nêu được nét chính về được vai trò của các danh nhân trong lịch sử dân tộc. - Biết cách sưu tầm, sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ – trung đại; một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam - Biết cách sưu tầm, sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp của một số danh nhân văn hoá, khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo trong lịch sử Việt Nam. – Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ – trung đại, danh nhân văn hoá, khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo trong lịch sử Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. - Đánh giá được vai trò của danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

Khối 12: 03 Chuyên đề

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	**Chuyên đề 1:** Lịch sử tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	15	**1. Kiến thức** - Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.

			- Nêu được một số nét chính của các tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Nêu được một số biểu hiện ảnh hưởng của một số tôn giáo lớn trong đời sống xã hội Việt Nam. **2. Năng lực** 2.1. Năng lực chung: Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm. 2.2. Năng lực lịch sử: - Tìm hiểu lịch sử: Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam. - Nhận thức và tư duy lịch sử + Chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương. + Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống xã hội Việt Nam. + Chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá – xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa chiền ở địa phương. + Nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo, Đạo giáo trong đời sống văn hoá – xã hội. + Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác. - Vận dụng + Biết đề cao, phát huy các biểu hiện tích cực của các tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống văn hoá – xã hội Việt Nam. **3. Phẩm chất** - Chăm chỉ: Rèn luyện tính hiếu học và tinh thần tự học. - Nhân ái: Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
2	**Chuyên đề 2:** Nhật Bản - Hành trình lịch sử từ năm 1945 đến nay	10	**1. Kiến thức** - Trình bày được tình hình Nhật Bản từ năm 1945 đến nay trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, ngoại giao và giải thích được nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản kể từ sau năm 1973. + Nhận xét được những bài học thành công của Nhật Bản. **2. Năng lực** 2.1. Năng lực chung: Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm. 2.2. Năng lực lịch sử

			- Tìm hiểu lịch sử: Biết cách sưu tầm và khai thác được thông tin, hình ảnh, tư liệu tìm hiểu về tình hình Nhật Bản từ năm 1945 đến nay trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, ngoại giao. - Nhận thức và tư duy lịch sử: + Giải thích được nguyên nhân phát triển "thần kì" của Nhật Bản trong những năm 1952–1973 cũng như nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản kể từ sau năm 1973. - Vận dụng: + Nêu được mối quan hệ giữa Việt Nam với Nhật Bản. + Liên hệ những thành tựu của Nhật Bản để rút ra được những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam. **3. Phẩm chất** Trách nhiệm: Học hỏi những phẩm chất kỉ luật, chăm chỉ, tự giác, coi trọng bản sắc văn hoá của người Nhật, từ đó đem văn hoá truyền thống của nước ta trở thành một trong những động lực quan trọng để phát triển, đảm bảo tính bền vững, lâu dài của dân tộc.
3	**Chuyên đề 3:** Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam	10	**1. Kiến thức** - Nêu được quá trình Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới; những nét chính về quá trình Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế (Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế khác). - Giải thích được khái niệm hội nhập quốc tế và khái niệm toàn cầu hoá. + Giải thích được những tác động (tích cực và tiêu cực) của toàn cầu hoá đối với Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. + Phân tích được vai trò và đóng góp của Việt Nam trong tổ chức ASEAN (trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, an ninh, văn hoá, xã hội,...). **2. Năng lực** 2.1. Năng lực chung Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm. 2.2. Năng lực lịch sử - Tìm hiểu lịch sử + Nêu được các lĩnh vực hội nhập quốc tế: kinh tế, chính trị, an ninh – quốc phòng, văn hoá, giáo dục,... thông qua ví dụ cụ thể. + Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu quá trình Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới.

			+ Nêu được những nét chính về quá trình Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế (Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế khác). - Nhận thức và tư duy lịch sử + Sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về toàn cầu hoá, giải thích được khái niệm toàn cầu hoá. + Giải thích được khái niệm hội nhập quốc tế. + Phân tích được những biểu hiện và tác động tích cực, tiêu cực của toàn cầu hoá thông qua ví dụ cụ thể. **3. Phẩm chất** Trách nhiệm: Trân trọng những thành tựu Việt Nam đạt được trong quá trình hội nhập quốc tế và có ý thức đóng góp vào những thành tựu hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam.

III. KẾ HOẠCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Căn cứ điều kiện, tình hình thực tiễn, Trường THPT Quốc Tuấn về công tác chuyên môn trong năm học 2024-2025; Biên bản họp thống nhất của nhóm, Nhóm Lịch sử xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2024- 2025 như sau:

1. Mục tiêu:

- Đánh giá mức độ tiếp thu bài của học sinh để giáo viên điều chỉnh phương pháp giảng dạy.
- Phân loại học sinh; phán đoán; xếp hạng việc học tập và mức độ tiến bộ của học sinh từ đó giáo viên đưa ra các biện pháp động viên, khắc phục.

2. Hình thức, thời điểm kiểm tra, công cụ và tiêu chí đánh giá.

a. Chỉ tiêu

- 100% các bài kiểm tra giữa kì (45 phút) trở lên giáo viên đều xây dựng ma trận đề kiểm tra bám sát chuẩn kiến thức kĩ năng quy định trong chương trình.

- Xây dựng ngân hàng đề với các câu hỏi kiểm tra đánh giá đa dạng, nhiều câu hỏi mở có sự liên hệ kiến thức thực tế nhằm đánh giá được năng lực học sinh.

- Trên mỗi khối thực hiện 01 đợt kiểm tra khảo sát năng lực học sinh.

- Mỗi GV dạy khối 12 ra được 02 đề thi minh họa theo hướng dẫn của Bộ

- 100% các bài kiểm tra sử dụng từ ngân hàng đề.

b. Giải pháp

- Tiếp tục đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh. Không để xảy ra tiêu cực trong cho điểm, thi cử. Nhóm CM xây dựng ma trận và đề kiểm tra, đề cương ôn tập từng HK

- Việc thực hiện quy chế đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư 58 thông tư 22 của Bộ GD&ĐT, cần phải được nghiên cứu kỹ và thực hiện đúng, tránh sai sót.- Giáo dục học sinh ý thức tự học, phương pháp tự học kết hợp với tài liệu phù hợp với chủ đề. Thường xuyên kiểm tra và định hướng kết quả hoạt động tự học.

- Thống nhất ma trận đề kiểm tra trong nhóm chuyên môn.

- Đổi mới các hình thức kiểm tra đánh giá để hướng tới sự phát triển năng lực của học sinh, coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của các em trong quá trình học tập.

- Chú ý quan sát, hướng dẫn học sinh tự quan sát các hoạt động học tập, rèn luyện của các em để góp ý, điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, rèn luyện của học sinh.

- Hướng dẫn học sinh đánh giá lẫn nhau và biết tự đánh giá năng lực của mình

- Nhận xét, chưa lỗi một cách cụ thể trong các bài kiểm tra của học sinh.

- Trong một bài kiểm tra tăng cương nhiều câu hỏi ngắn.

- Chú trọng đánh giá phẩm chất và năng lực của học sinh, đánh giá cả quá trình : đánh giá trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ; đánh giá bằng nhận xét; tăng cường hình thức đánh giá thông qua sản phẩm dự án, bài thuyết trình..

- Để đánh giá toàn diện năng lực của học sinh, kỹ năng làm trong đề thi kết hợp giữa đọc hiểu với tự luận; giữ TNKQ với tự luận .

- Tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, khuyến khích học sinh bày tỏ chính kiến của mình; giúp các em hiểu sâu về quê hương đất nước

3. Kiểm tra thường xuyên

- 01 bài kiểm tra bằng hình thức vấn đáp, phỏng vấn, làm bài trên lớp
- 02 bài kiểm tra bằng hình thức viết, thực hành.

Khối 10

Bài KTĐG thường xuyên	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức kiểm tra
HỌC KỲ I				
Bài KTTX số 1	phút	Tuần 4	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề 1,2: Lịch sử, sử học; Vai trò của sử học	Vấn đáp
Bài KTTX số 2	phút	12	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề 3: Một số nền văn minh TG	Viết

Bài KTTX số 3	phút	15	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề 4: Các cuộc CM công nghiệp	Làm bài tập thực hành
HỌC KỲ II				
Bài KTTX số 1	phút	23	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề 5: Văn minh Đông Nam Á	Vấn đáp
Bài KTTX số 2	phút	27	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề 6: Một số nền văn minh trên đất nước VN	Viết
Bài KTTX số 3	phút	32	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề 7: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Làm bài tập thực hành

Khối 11

Bài KTĐG thường xuyên	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức kiểm tra
HỌC KỲ I				
Bài KTTX số 1	phút	Tuần 4	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	Vấn đáp
Bài KTTX số 2	phút	12	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề : Chủ nghĩa xã hội từ 1975 đến nay	Viết
Bài KTTX số 3	phút	15	Đáp ưng yêu cầu cần đạt của chủ đề :Quá trình giành độc lập của các Quốc gia Đông Nam Á	Làm bài tập thực hành
HỌC KỲ II				
Bài KTTX số 1	phút	23	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề : Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến	Vấn đáp

			tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam	
Bài KTTX số 2	phút	27	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề : Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858	Viết
Bài KTTX số 2	phút	32	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề Lịch sử bảo vệ chủ quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông	Làm bài tập thực hành

Khối 12

Bài KTĐG thường xuyên	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức kiểm tra
HỌC KỲ I				
Bài KTTX số 1	phút	Tuần 4	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của : Liên Hợp quốc Thế giới trong chiến tranh lạnh	Vấn đáp
Bài KTTX số 2	phút	11	Đáp ứng yêu cầu cần đạt Thế giới sau chiến tranh lạnh	Viết
Bài KTTX số 3	phút	17	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề: ASEAN những chặng đường lịch sử	Làm bài tập thực hành
HỌC KỲ II				
Bài KTTX số 1	phút	22	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề CMT8- Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (từ CMT8- nay)	Vấn đáp

Bài KTTX số 2	phút	29	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề : Công cuộc đổi mới từ 1986- nay	Viết
Bài KTTX số 3	phút	34	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề : Lịch sử đối ngoại	Làm bài tập thực hành

1. Kiểm tra giữa kì 1 và cuối kì 1

- Kiểm tra và chấm bài theo quy định *(Công văn số 1232/SGDĐT-GDTrH ngày 05/9/2018 và Công văn số 1369/SGDĐT-GDTrH ngày 28/9/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo); Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 20/8/2020; Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021.*

Lớp	Phần I: trắc nghiệm khách quan	Phần II: tự luận
10	40% - 16 câu TNKQ	60%
11	40% - 16 câu TNKQ	60%
10	40% - 16 câu TNKQ	60%

Khối 10

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45p	Tuần 9	Đáp ứng yêu cầu cần đạt : Trình bày được khái niệm lịch sử. - Phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thứ Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên. - Giải thích được khái niệm văn minh. - Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá. Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa	Tự luận và trắc nghiệm

Cuối Học kỳ 1	45p	16	Đáp ứng yêu cầu cần đạt - Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa - Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao. - Nếu được thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất., lần hai	Tự luận và trắc nghiệm
Giữa Học kỳ 2	45p	26	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề - Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba, tư - Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á. - Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á. - Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc. - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh VL-Âu Lạc, Champa , Phù Nam	Tự luận và trắc nghiệm
Cuối Học kỳ 2	45p	33	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt. - Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ. - Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt. Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. - Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. - Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam. - Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước.	Tự luận và trắc nghiệm

Khối 11

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45p	9	Đáp ứng yêu cầu cần đạt - Trình bày được tiền đề của cách mạng tư sản. Giải thích được khái niệm cách mạng tư sản. - Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản. Trình bày được sự xác lập của CNTB ở châu Âu và Bắc Mĩ. - Trình bày được sự phát triển của CNTB từ tự do sang cạnh tranh độc quyền. - Nêu được khái niệm CNTB hiện đại tiềm năng và thách thức của CNTB hiện đại. - Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và hạn chế của CNTB hiện đại. Vận dụng những hiểu biết về lịch sử CNTB để giải thích những vấn đề thời sự của chủ nghĩa tư bản hiện nay. - Sự ra đời Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. - Ý nghĩa sự ra đời Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.	Tự luận và trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả của Bộ
Cuối Học kỳ 1	45p	16	Đáp ứng yêu cầu cần đạt - Nêu được sự phát triển của CNXH ở Đông Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai, nêu được sự mở rộng của CNXH ở châu Á và Mĩ La - tinh. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ mô hình CNXH ở Liên Xô và Đông Âu. - Nêu được nét chính về CNXH từ năm 1991 đến nay. - Nêu được những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc . -Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và cai trị ở Đông Nam Á lục địa và hải đảo. - Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm. - Tóm tắt được những nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân ở một số nước Đông Nam Á lục địa và hải đảo.	Tự luận và trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả của Bộ

			- Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á. - Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với thuộc địa, liên hệ Việt Nam. - Tóm tắt những nét chính và quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á sau khi giành độc lập.	
Giữa Học kỳ 2	45p	26	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề - Nắm được vị trí địa chiến lược của Việt Nam. Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh trong lịch sử chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam. - Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu và các cuộc kháng chiến không thành công của dân tộc Việt Nam. - Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi và không thành công của các cuộc kháng chiến chống xâm lược - Trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu thời Bắc thuộc và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa đó. - Nêu được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính và ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn, phong trào Tây Sơn. - Biết được các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay. - Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cải cách của Hồ Quý Ly và nhà Hồ.	Tự luận và trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả của Bộ
Cuối Học kỳ 2	45p	33	Đáp ưng yêu cầu của chủ đề: -Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam - Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858 - Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ, tầm quan trọng chiến lược của biển Đông về giao lưu biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển. - Xác định được vị trí các đảo và quần đảo ở biển đông trên bản đồ.	Tự luận và trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả của Bộ

			-Nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình. - Trân trọng các thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo về chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước Việt Nam.	

2. Khối 12

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45p	9	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề: Thế giới trong và sau CT lạnh - Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc. - Trình bày được mục tiêu, nguyên tắc hoạt động cơ bản, vai trò của Liên hợp quốc. - Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân. - Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội. - Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta; nêu được nguyên nhân và phân tích được tác động sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. + Thông qua kiến thức đã học để giải thích các vấn đề về Trật tự thế giới I-an-ta. -Trình bày được khái niệm đa cực; nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. +nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh, trình bày được khái niệm đa cực và xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. + vận dụng những hiểu biết về thế giới để giải thích các vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế hiện nay.	Tự luận và trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả của Bộ

Cuối Học kỳ 1	45p	16	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề - Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN, quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10. - Nêu được các giai đoạn phát triển chỉnh của ASEAN từ năm 1967 đến nay. - Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN. - Trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN. - Nêu được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN. nêu được ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN; + Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.	Tự luận và trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả của Bộ
Giữa Học kỳ 2	45p	26	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề -Cách mạng Tháng Tám năm 1945: Trình bày được nét chính về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; giải quyết các nhiệm vụ học tập. -Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945- 1954): Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Cuộc kháng chiến chống Mĩ (1954- 1975): - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu	Tự luận và trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả của Bộ

			nước. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. -Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 – 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông từ sau tháng 4 – 1975 đến nay. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay. - Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. - Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.	
Cuối Học kỳ 2	45p	33	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề -Trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay. - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945). Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ. - Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh và ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước. - Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. - Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh và vai trò của Hồ Chí Minh.	Tự luận và trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả của Bộ

			- Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (1954 –1969).	

IV. CÁC NỘI DUNG KHÁC

1.Chất lượng bộ môn

1.1. Các chỉ tiêu:

- Đạt tỉ lệ: Giỏi:30%, Khá : 50%, Trung bình: 20 % , Yếu: 0 % , Kém : 0%

1.2. Các giải pháp thực hiện

- Chuẩn bị tốt kế hoạch bài dạy, tư liệu dạy học hệ thống câu hỏi bài tập gợi mở nhằm phát huy tốt nhất năng lực người học .Bám sát theo công văn 3280/ BDGĐT-GDTrH ngày 27/8/ 2020, thông tư 13/2022/TT-BGĐT, ngày 03 tháng 8 năm 2022,công văn 5512/ BGD ĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020.
- Thường xuyên quan tâm đôn đốc, sát sao tới từng đối tượng học sinh.
- Thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá.

2. Bồi dưỡng học sinh giỏi

2.1. Các chỉ tiêu:

- Có học sinh đạt giải Học sinh giỏi thành phố (3 giải trở lên)

2.2. Các giải pháp thực hiện

- Giáo viên cần biên soạn chương trình, nội dung bồi dưỡng rõ ràng, cụ thể, chi tiết cho từng khối lớp, về từng mảng kiến thức rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ theo số tiết quy định nhất định và nhất thiết phải bồi dưỡng theo quy trình từ thấp đến cao, từ dễ đến khó để các em HS bắt nhịp dần.
- Xác định rõ trọng tâm kiến thức giảng dạy cho từng khối lớp để tránh trùng lặp. Chương trình bồi dưỡng cần có sự liên thông trong suốt 3 năm .
- Giáo viên sưu tầm các bộ đề thi các cấp trong tỉnh nhà và các tỉnh khác thông qua công nghệ thông tin nhằm giúp các em tiếp xúc làm quen với các dạng đề, luôn tìm đọc, tham khảo các tài liệu hay định hướng cho học sinh
- Giáo viên hướng dẫn học sinh các tài liệu, sách vở, phù hợp với trình độ của các em để tự rèn luyện thêm ở nhà. Đồng thời cung cấp hoặc giới thiệu các địa chỉ trên mạng để học sinh có thể tự học, tự nghiên cứu, bổ sung kiến thức.

2.3. Tổ chức thực hiện

- Khối 12: Học vào tháng 7 , 2 buổi/1 tuần. Tháng 8, 9, 10 tuần 3 buổi, GVBD đ/c Vũ Thị Thùy Dung soạn chuyên đề dạy.

3. Bồi dưỡng học sinh vinh danh

3.1 Các chỉ tiêu

- Có 3-5 học sinh được vinh danh trong kì thi ĐH- CĐ năm học 2024-2025

3.2 Các giải pháp thực hiện

- Giáo viên xác định các đối tượng em học sinh khá giỏi(Hs trong đội tuyển học sinh giỏi) ngoài ôn tập trên lớp, giáo viên sưu tầm các đề thi, các

câu hỏi dạng vận dụng, vận dung cao giao theo tuần cho học sinh làm, Gv có chữa đánh giá cho học sinh

- Giáo viên sưu tầm các bộ đề thi thông qua công nghệ thông tin nhằm giúp các em tiếp xúc làm quen với các dạng đề, luôn tìm đọc, tham khảo các tài liệu hay định hướng cho học sinh

- Giáo viên hướng dẫn học sinh các tài liệu, sách vở, phù hợp với trình độ của các em để tự rèn luyện thêm ở nhà. Đồng thời cung cấp hoặc giới thiệu các địa chỉ trên mạng để học sinh có thể tự học, tự nghiên cứu, bổ sung kiến thức.

- Giáo viên phối hợp với giáo viên 2 bộ môn còn lại đề giúp đỡ các em học sinh đạt mục tiêu.

4. Tổ chức ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông

4.1. Các chỉ tiêu:

- Nhóm Lịch sử phấn đấu tất cả các em học sinh không bị điểm liệt.
- Tỉ lệ học sinh đặt điểm trên trung bình cao hơn năm trước, bám và vượt trung bình thành phố môn Lịch sử.
- Điểm trung bình đạt được: 7,0 điểm.

4.2. Các giải pháp thực hiện

a. Xây dựng kế hoạch

- Nghiên cứu kĩ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thi và ôn thi tốt nghiệpTHPT năm học 2024 - 2025 do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng ban hành.

- Trên cơ sở cụ thể về quỹ thời gian, thực trạng học sinh, thực trạng về giáo viên và kế hoạch ôn thi chung của nhà trường, **c**ác nhóm, các cá nhân lên kế hoạch ôn tập phù hợp với đối tượng học sinh, bám sát cấu trúc đề thi.

b. Soạn đề cương

- Căn cứ công văn chỉ đạo của Bộ giáo dục về nội dung thi tốt nghiệp THPT "nằm trong chương trình THPT, chủ yếu là chương trình lớp 12", giáo viên trong tổ rà soát chương trình và xây dựng nội dung ôn tập

- Phân tích kĩ đề thi minh họa của bộ để lựa chọn nội dung ôn tập phù hợp với năng lực của học sinh và mục tiêu về điểm số đã đặt ra cho từng bộ môn cụ thể.

c. Tổ chức ôn tập

- Ôn tập bám sát các nội dung theo kế hoạch.

- Ôn tập theo ba vòng: Kế hoạch chung của nhà trường

+ Vòng 1: / Ôn diện rộng, hệ thống hóa kiến thức theo từng phần, từng chủ đề, từng bài.

/ Sau mỗi bài, mỗi chủ đề, GV kiểm tra lại bằng hệ thống câu hỏi từ dễ đến khó theo các mức độ biết – hiểu – vận dụng;

/ Thi thử lần 1 theo kế hoạch của Sở, của nhà trường, chấm chữa bài, rút kinh nghiệm ôn tập, tìm ra nguyên nhân, giải pháp khắc phục để ôn tập hiệu quả.

/ GV giảng dạy ở từng lớp chủ động phân loại HS, có kế hoạch giúp đỡ HS yếu.

+ Vòng 2: / Thực hành làm đề theo từng phần trong cấu trúc đề thi và thực hành làm đề thi theo cấu trúc đề thi minh họa của bộ.

/ Thi thử lần 2 theo kế hoạch của Sở, nhà trường, chấm chữa bài, rút kinh nghiệm ôn tập, tìm ra nguyên nhân, giải pháp khắc phục để ôn tập hiệu quả.

+ Vòng 3**:** / Thi thử lần3 theo kế hoạch của Sở, của nhà trường Luyện đề theo cấu trúc đề minh họa; chốt kiến thức

/ Hướng dẫn tự ôn tập ở nhà trước khi thi

d. Phương pháp ôn tập

- Phối hợp các chủ đề, các hình thức tổ chức trong quá trình ôn tập để tránh nhàm chán.

- Giao nhiệm vụ chuẩn bị ôn tập về nhà cho HS chuẩn bị trước. Khi giao lưu ý tính vừa sức luôn kèm theo chỉ dẫn cách thực hiện và tài liệu. Có thể kết hợp giao việc theo nhóm học tập để các em có trách nhiệm đôn đốc hỗ trợ nhau.

- Quan tâm đến các em HS gặp khó khăn, tạo điều kiện để các em được tham gia học tập. Lựa chọn kiến thức và kĩ năng vừa sức cùng sự khích lệ, động viên đối với những học sinh đó.

- Cố gắng hình thành cho HS kĩ năng, phương pháp làm bài.

- Học sinh không chuẩn bị bài, không ghi chép …… GVBM kết hợp với GVCN thường xuyên nhắc nhở, phối hợp với gia đình để có biện pháp giúp đỡ các em kịp thời.

- HS chưa nắm vững kiến thức mức độ biết cho luyện bài đến khi nắm vững mới chuyển dạng bài tập ở mức độ cao hơn: Giải các bài tập mẫu tại lớp (giáo viên hướng dẫn, học sinh giải). Cho một số bài tập dạng tương tự cho học sinh về nhà giải .

- Tổ chức kiểm tra tại lớp (có chấm điểm).

5. Kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, hướng dẫn học sinh tự học

5.1 Mục đích yêu cầu

* Đổi mới phương pháp dạy học

- Thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm của năm học về đổi mới phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học; từng bước chuyển từ dạy học tiếp cận nội dung sang dạy học tiếp cận năng lực, góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
- Từng bước tiếp cận "chương trình giáo dục nhà trường phổ thông".
- Giúp học sinh học tập ngày càng tiến bộ, được hình thành và phát triển về năng lực, vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn.

***** Đổi mới kiểm tra đánh giá

- Làm sáng tỏ mức độ đạt được và chưa đạt được về các mục tiêu dạy học, tình trạng kiến thức, kĩ năng, năng lực, của học sinh so với yêu cầu của chương trình; phát hiện những sai sót và nguyên nhân dẫn tới những sai sót đó, giúp học sinh điều chỉnh hoạt động học tập của mình.
- Công khai hóa các nhận định về năng lực, kết quả học tập của mỗi em học sinh và cả tập thể lớp, tạo cơ hội cho các em có kĩ năng tự đánh giá, giúp các em nhận ra sự tiến bộ của mình, khuyến khích động viên và thúc đẩy việc học tập ngày một tốt hơn.
- Giúp giáo viên có cơ sở thực tế để nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu của mình, tự điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động dạy học.Thúc đẩy giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng hình thành và phát triển năng lực học sinh.

5.2 Chỉ tiêu và biện pháp thực hiện trong năm học 2024-2025.

Chỉ tiêu và giải pháp

** Chỉ tiêu:*

- Nắm vững kế hoạch chủ trương đổi mới dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực của học sinh. 100% các nội dung kế hoạch bài dạy được soạn theo tinh thần đổi mới của Bộ GD& ĐT (theo CV 5512), theo đặc trưng môn học.
- 100% các tiết học đều áp dụng phương pháp kĩ thuật dạy học mới nhằm phát huy tính tích cực chủ động, phát huy năng lực của học sinh.

- Tham gia đầy đủ, đúng kế hoạch sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn qua mạng thông qua trường học kết nối. Tích cực thảo luận, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm dạy học
- Dạy học theo chủ đề môn học (ít nhất 3 chủ đề trong năm học), dạy học theo chủ đề tích hợp liên môn, sử dụng được thành thạo CNTT, bài giảng điện tử,
- Tham gia và thực hiện hoạt động trải nghiệm sáng tạo, thực hành lịch sử, nhằm phát huy năng lực người học.

* Giải pháp

- Nghiên cứu các văn bản chỉ đạo, tài liệu sách bộ môn hướng dẫn thực hiện kế hoạch giảng dạy, phân phối chương trình. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá.
- Cùng với nhóm chuyên môn xây dựng các chủ đề dạy học: chủ đề tích hợp/lồng ghép các vấn đề hiện đại vào nội dung của môn học; chủ đề tích hợp liên môn; chủ đề dạy học theo môn học, xây dựng kế hoạch hoạt động trải nghiệm sáng tạo.
- Tổ chức các hoạt động dạy học lồng ghép nội dung giáo dục môi trường; chủ quyền biên giới, biển đảo và
- Tổ chức dạy học giáo dục địa phương theo các chủ đề đã thống nhất.
- Bám sát chuẩn kiến thức kĩ năng để xác định các phương pháp kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng tiết dạy
- Giáo dục học sinh ý thức tự học, phương pháp tự học kết hợp với tài liệu phù hợp với chủ đề. Thường xuyên kiểm tra và định hướng kết quả hoạt động tự học.
- Tích cực dự giờ, trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp. Tham gia tích cực các Hội thảo cấp trường, cấp cụm và cấp thành phố về đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực của học sinh

5.3Thiết kế sản phẩm đổi mới phương pháp dạy học

Chỉ tiêu :

- Thiết kế 2 sản phẩm đổi mới phương pháp dạy học /năm

+ Sản phẩm 1 : Xây dựng kế hoạch và thực hiện các bài học thực hành theo hướng mở, phát huy năng lực của học sinh (khối 10 và khối 11)

+ Sản phẩm 2 : tiến hành dạy học thực nghiệm tại các di tích lịch sử (Di tích Bạch Đằng Giang, Di tích lịch sử Đền thờ trạng trình Nguyễn Bỉnh Khiêm)

Giải pháp

- Xây dựng kế hoạch bám sát nội dung chương trình của bộ môn, của nhà trường, phổ biến với các Gv trong nhóm.
- Cùng các đồng chí trong nhóm chuyên môn thảo luận, thống nhất nội dung , đăng kí tên sản phẩm, cách thức tiến hành, thời gian hoàn thành sản phẩm.
- Soạn giáo án theo hướng phát triển năng lực học sinh, phân công công việc cho các nhóm học sinh, hướng dẫn học sinh hoàn thành sản phẩm, dạy thể nghiệm để đồng nghiệp đóng góp ý kiến
- Rút kinh nghiệm từ góp ý của đồng nghiệp, hoàn thiện sản phẩm
- Phối hợp với GVCN, các tổ chức khác trong nhà trường để thực hiện và hoàn thành sản phẩm.

5.4 Đổi mới kiểm tra đánh giá

* Chỉ tiêu:

- Ít nhất 01 bài KTTX đánh giá theo hướng đổi mới, phát huy năng lực của học sinh (là các sản phẩm học tập)
- 100% các bài kiểm tra từ 45 phút trở lên đều xây dựng, bảng đặc tả, ma trận đề kiểm tra bám sát chuẩn kiến thức kĩ năng quy định trong chương trình
- Xây dựng ngân hàng đề với các câu hỏi kiểm tra đánh giá đa dạng, nhiều câu hỏi mở đánh giá được năng lực học sinh

- 100% các bài kiểm tra sử dụng từ ngân hàng đề.

* Giải pháp

- Thống nhất ma trận đề kiểm tra 45 phút trong nhóm chuyên môn
- Đổi mới thời gian kiểm tra miệng, đổi mới các hình thức kiểm tra đánh giá để hướng tới sự phát triển năng lực của học sinh, coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của các em trong quá trình học tập
- Chú ý quan sát, hướng dẫn học sinh tự quan sát các hoạt động học tập, rèn luyện của các em để góp ý, điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, rèn luyện của học sinh
- Hướng dẫn học sinh đánh giá lẫn nhau và biết tự đánh giá năng lực của mình
- Nhận xét trong các bài kiểm tra của học sinh
- Chú trọng đánh giá phẩm chất và năng lực của học sinh, đánh giá cả quá trình : đánh giá trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ; đánh giá bằng nhận xét; tăng cường hình thức đánh giá thông qua sản phẩm dự án, bài thuyết trình...
- Tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, khuyến khích học sinh bày tỏ chính kiến của mình; giúp các em hiểu sâu về quê hương đất nước.

5.5 Hướng dẫn học sinh tự học.

* Chỉ tiêu

- 100% các bài mới đều được học sinh nghiên cứu, tự học ở nhà.
- Xây dựng các chủ đề tự học.

* Giải pháp

* Đối với giáo viên

- GV cần hướng dẫn cho HS cách xây dựng kế hoạch học tập,cung cấp các nguồn tư liệu kênh thông tin tư liệu.
- GV hướng dẫn cho HS cách tìm và đọc sách hoặc tài liệu liên quan đến môn học

học..

- GV nên dạy cho HS cách ghi chép và nghe giảng
- GV hướng dẫn cách học bài. GV nên giới thiệu và hướng dẫn cho HS tự học theo mô hình các nấc thang nhận thức của Benjamin S.Bloom. Theo cách phân chia trong thang nhận thức của Bloom, HS có thể học cách phân tích, tổng hợp, vận dụng tri thức vào từng tình huống thực tiễn, học cách nhận xét, đánh giá, so sánh đối chiếu các kiến thức khác…
- GV cần giao nhiệm vụ cụ thể cho HS ở tiết học tiếp theo. Để phát huy tối đa năng lực tự học và thúc đẩy HS tận dụng hết thời gian tự học, GV cần giao nhiệm vụ cụ thể cho HS.

* Đối với học sinh:

- Lập kế hoạch học tập.

+ Học nhằm mục đích gì? Học vì yêu thích môn học, vì trách nhiệm với gia đình và xã hội, hay vì để được khen, được đánh giá cao
+ Thái độ học tập ra sao? Học với tinh thần, thái độ nghiêm túc hay hời hợt qua loa.
+ Học như thế nào? Người học nên chọn phương pháp nào là phù hợp với bản thân.

- Tự trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa bằng cách xác định yêu cầu của câu hỏi, dự kiến câu trả lời, tái hiện các kiến thức liên quan, tập trình bày câu trả lời trước nhóm hoặc trước lớp để tìm ra chỗ sai từ đó khắc phục
- Tự đặt câu hỏi để tự mình giải quyết hoặc thảo luận cùng bạn bè.
- Làm các bài tập của thầy cô giao cho, hoặc các bài tập bản thân tự tìm kiếm sau đótự mình kiểm tra đáp án để rút kinh nghiệm…

Trên đây là kế hoạch giáo dục của nhóm Lịch sử thực hiện nhiệm vụ năm học 2024- 2025 , căn cứ vào tình hình thực tiễn, nhóm nắm bắt và thực hiện nghiêm túc và đạt hiệu quả cao nhất/.

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Vũ Thị Thùy Dung

Hải Phòng, ngày 25 tháng 8 năm 2024
KT.HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)